

**TẬP ĐOÀN HẢI MINH**

**Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, Số 3 Nguyễn Tất Thành,  
Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: 08 3943 5447 Fax: 08 3943 5446**

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT  
CỦA TẬP ĐOÀN HẢI MINH**

*Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2010*

*kèm theo*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

---

Được soát xét bởi:

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

**Số: 3 ngõ 1295 đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội**

**Tel: 043 974 50 81/82 Fax: 043 974 50 83**

*Hà Nội, tháng 08 năm 2010*



## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang số</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 05
Báo cáo về kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	06
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2010	07 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 06 tháng đầu năm 2010	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 06 tháng đầu năm 2010	12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm 2010	13 - 32
Phụ lục 01 - Tình hình tăng giảm tài sản cố định	33
Phụ lục 02 - Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	34
Phụ lục 03 - Lợi ích cổ đông thiểu số	35



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Tập đoàn Hải Minh gọi tắt là "Tập đoàn" đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2010 đến 30/06/2010.

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Tập đoàn tại thời điểm lập Báo cáo tài chính gồm có:**

### *Hội đồng quản trị:*

- Ông Nguyễn Quốc Hùng Chủ tịch Tập đoàn
- Ông Phùng Văn Quang Ủy viên
- Ông Nguyễn Thành Chương Ủy viên
- Ông Nguyễn Văn Hà Ủy viên
- Ông Nguyễn Trung Kiên Ủy viên
- Bà Nguyễn Mỹ Hải Ủy viên

### *Ban Giám đốc:*

- Ông Nguyễn Thành Chương Giám đốc
- Ông Nguyễn Thế Hưng Kế toán trưởng

### **Kiểm toán viên độc lập**

Báo cáo Soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm 2010 của Tập đoàn Hải Minh được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

### **Khái quát về công ty**

Tập đoàn Hải Minh, gọi tắt là "Công ty", hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000801 ngày 24/01/2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong quá trình hoạt động, Tập đoàn đã có 10 lần thay đổi đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 10 vào ngày 21/01/2010 .

Theo đó:

Vốn điều lệ đăng ký của Tập đoàn là: **100.000.000.000 (Một trăm tỷ đồng chẵn).**

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, mua bán máy móc thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hoá, dịch vụ giao nhận hàng hoá, dịch vụ vận chuyển hàng hoá đường bộ - đường sông - đường biển; Đại lý tàu biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải ; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thuỷ - đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện



**TẬP ĐOÀN HẢI MINH**

Địa chỉ: Tầng 4, Toà nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, P. 12,  
Q.4, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 08 3943 5447 Fax: 08 3943 5446

Báo cáo của Ban Giám đốc  
đính kèm BCTC cho giai đoạn hoạt  
động kết thúc ngày 30/06/2010

tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán, cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; Mua bán thiết bị, máy móc ngành nông nghiệp./.

Tập đoàn có trụ sở tại: Tầng 4, Toà nhà Cảng Sài Gòn, Số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến thời điểm 30/06/2010, cơ cấu Tập đoàn gồm có 03 Công ty con và 01 Công ty liên kết:

**- Các Công ty con bao gồm :**

Công ty TNHH Tiếp Vận Nam Phát  
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng  
Công ty TNHH Tiếp Vận Hoàng Nam

**- Công ty liên kết:**

Công ty TNHH "K" Line Việt Nam

**Khái quát về Công ty con:**

- Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0202006749 ngày 25/06/2008, đăng ký thay đổi lần đầu ngày 23/12/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính: Tầng 02, Khách sạn Việt Trung, số 103 đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại : 0313 555 369

Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty mẹ là 96,08%.

- Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0204001877 ngày 07/01/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính: Tầng 02, Khách sạn Việt Trung, số 103 đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại : 0313 979 946

Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty mẹ là 100%.

- Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam hoạt động theo giấy phép liên doanh số 874/GP-HCM ngày 08/06/2005 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính: 57 - 59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 08 3914 6395 Fax : 08 3914 6396

Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty mẹ là 55,29%.

**Khái quát về Công ty liên kết:**

- Công ty TNHH "K" Line Việt Nam hoạt động theo giấy phép đầu tư số 011021000027 ngày 24/10/2006 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

Trụ sở chính: Tầng 6 toà nhà văn phòng Sun Red River, số 23 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.



Điện thoại :04 39 331 199 Fax : 04 39 331 919

Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty là 49%.

### **Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại ngày 30/06/2010, kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn hoạt động kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này từ trang 07 đến trang 35.

### **Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ và lập Báo cáo tài chính**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào bất thường xảy ra sau ngày 30/06/2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010.

Tập đoàn Hải Minh đã niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 28 tháng 07 năm 2010 căn cứ theo quyết định số 480/QĐ - TTGDHN ngày 16/07/2010 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận cho Tập đoàn Hải Minh niêm yết: 5.438.790 cổ phiếu phổ thông tương đương: 54.387.900.000 đồng mệnh giá với mã chứng khoán là: HMMH.

**Tại báo cáo này Ban Giám đốc Tập đoàn xin khẳng định những vấn đề sau đây:**

- Ban Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các Kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc;
- Tài sản mà Tập đoàn đang nắm giữ là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Tập đoàn và không có bất kỳ một sự kiện nào có thể dẫn tới việc tranh chấp các tài sản mà Tập đoàn đang sử dụng;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán hoặc cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch nào nhằm ngừng sản xuất một loại sản phẩm đang được sản xuất, ngừng xây dựng các công trình đang dở dang cũng không có một kế hoạch hay dự tính nào có thể dẫn đến tình trạng hàng tồn kho ứ đọng hoặc lạc hậu và không có bất kỳ khoản hàng tồn kho nào được hạch toán với giá trị cao hơn giá trị thực hiện thuận;

**TẬP ĐOÀN HẢI MINH**

Địa chỉ: Tầng 4, Toà nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, P. 12,  
Q.4, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 08 3943 5447 Fax: 08 3943 5446

**Báo cáo của Ban Giám đốc**  
đính kèm BCTC cho giai đoạn hoạt  
động kết thúc ngày 30/06/2010

- Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Tập đoàn tại ngày 30/06/2010, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010;
- Báo cáo tài chính đã được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Qui định hiện hành về kế toán của Việt Nam;
- Chúng tôi khẳng định rằng Tập đoàn tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch kinh doanh của mình trong các năm tài chính tiếp theo.

*Thay mặt và đại diện cho*

**TẬP ĐOÀN HẢI MINH**



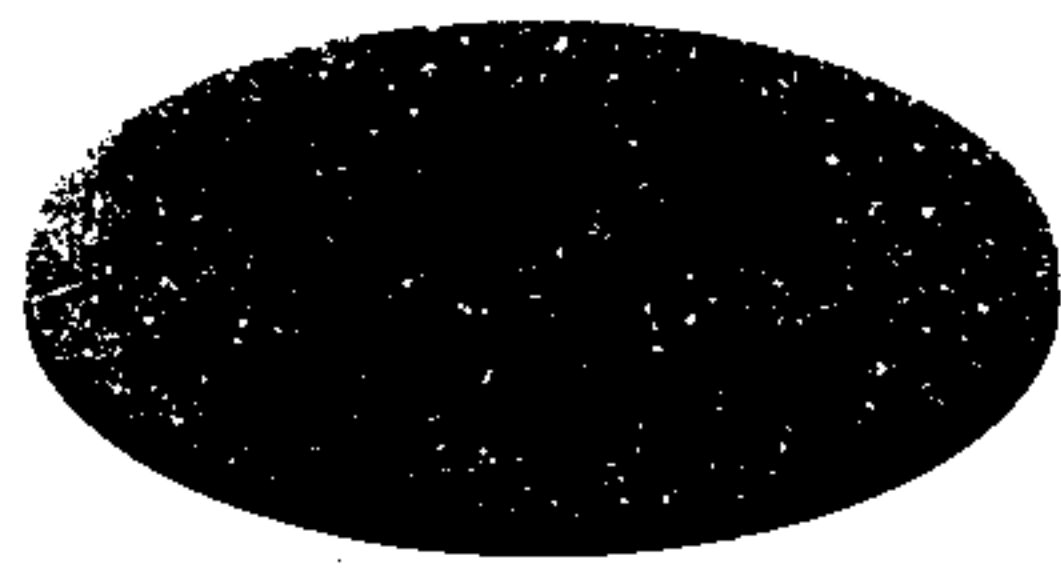
**NGUYỄN THÀNH CHUÔNG**

**Giám đốc**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 08 năm 2010*

07100  
CÔNG  
TACH NHIỆ  
KIỂM  
VÀ KẾ  
HÀ  
HANG M





# CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82 \* Fax: (84) 4 3974 5083

Email: cpahanoi@fpt.vn Website: www.cpahanoi.com

# AICA

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2010

Số: *M07* /CPAHanoi-BCSX

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CỦA TẬP ĐOÀN HẢI MINH

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Tập đoàn Hải Minh**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Hải Minh (gọi tắt là: Tập đoàn) lập tại ngày 30/06/2010, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất như đã trình bày từ trang 07 đến trang 35 kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất này đã được lập phù hợp với các quy định của Chế độ kế toán Việt Nam nêu tại mục II, III và IV trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở Công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán có liên quan.

Báo cáo Soát xét được lập thành 05 bản tiếng Việt, các bản có giá trị ngang nhau. Tập đoàn Hải Minh giữ 04 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN

HÀ NỘI (CPAHANOI)

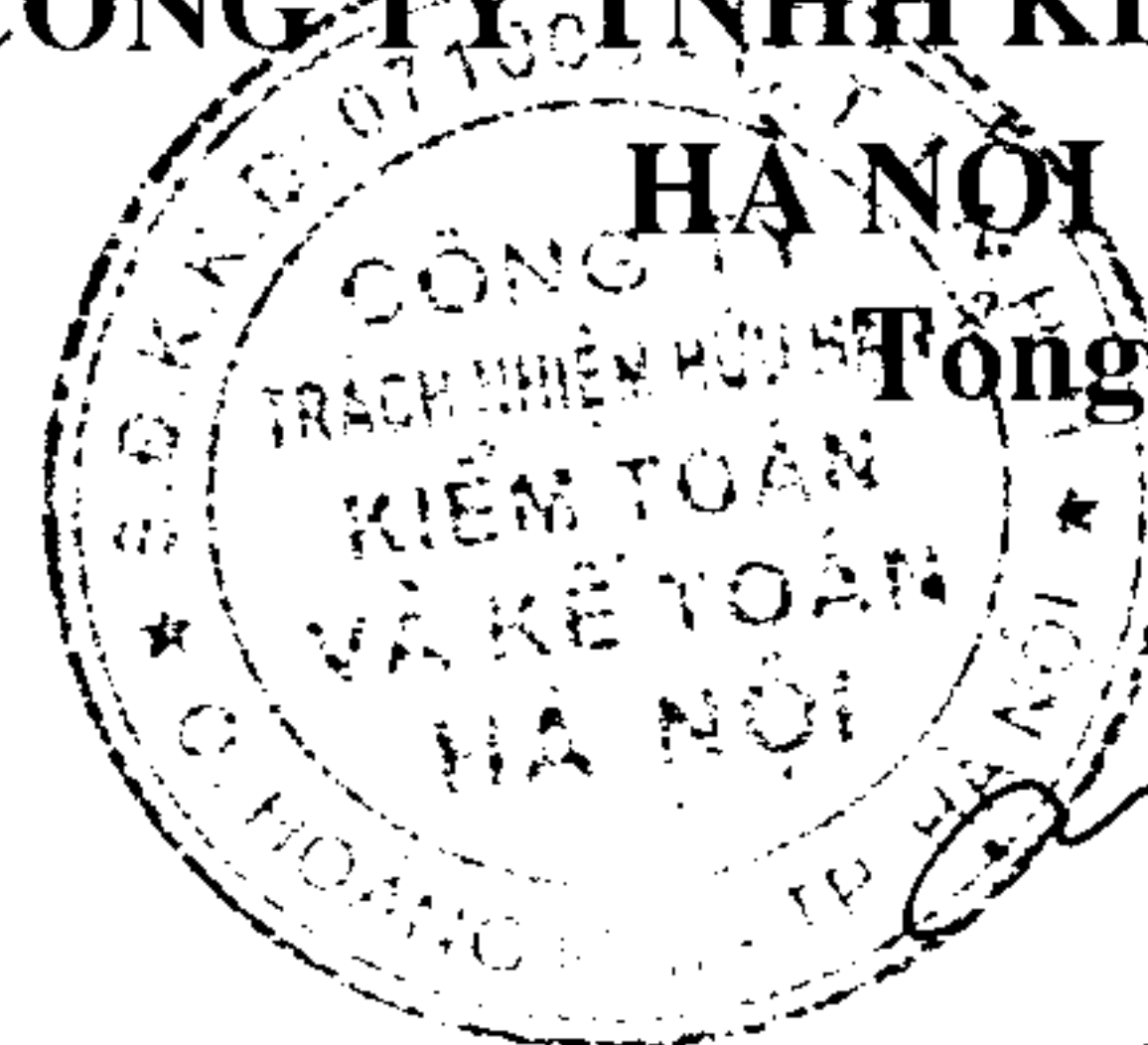
Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Lê Văn Dò

Chứng chỉ Kiểm toán viên

Số: 0231/KTV



Nguyễn Ngọc Tĩnh

Chứng chỉ Kiểm toán viên

Số: 0132/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VNĐ

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140)</b>	<b>100</b>		<b>67.411.357.820</b>	<b>57.659.512.625</b>
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>30.908.719.389</b>	<b>24.424.234.272</b>
1	Tiền	111	V.1	4.330.561.056	11.224.234.272
2	Các khoản tương đương tiền	112	V.2	26.578.158.333	13.200.000.000
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>80.000</b>	<b>4.741.840.000</b>
1	Đầu tư ngắn hạn	121	V.3	80.000	5.690.890.000
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	(949.050.000)
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>33.632.783.364</b>	<b>24.940.264.411</b>
1	Phải thu khách hàng	131	V.4	25.034.933.762	16.459.616.459
2	Trả trước cho người bán	132	V.5	-	15.032.600
3	Phải thu nội bộ	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5	Các khoản phải thu khác	138	V.6	8.640.257.600	8.465.615.352
6	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(42.407.998)	-
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>265.534.500</b>
1	Hàng tồn kho	141	V.7	-	265.534.500
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.869.775.067</b>	<b>3.287.639.442</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	1.165.441.098	241.363.790
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.9	35.474.880	98.264.676
3	Các khoản thuế phải thu	152		568.765.512	295.820.463
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	1.100.093.577	2.652.190.513
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>90.827.611.092</b>	<b>86.222.121.575</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>47.083.809.642</b>	<b>46.425.846.170</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	45.962.392.969	45.301.596.165
	- Nguyên giá	222	V.11	68.873.833.963	64.045.497.675
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	V.11	(22.911.440.994)	(18.743.901.510)
2	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	1.121.416.673	1.124.250.005
	- Nguyên giá	228	V.12	1.137.000.000	1.137.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	V.12	(15.583.327)	(12.749.995)
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>38.418.543.259</b>	<b>34.016.931.262</b>
1	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	32.518.543.259	30.116.931.262
3	Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	5.900.000.000	3.900.000.000
4	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính



TẬP ĐOÀN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 4, Toà nhà Cảng SG, 3 Nguyễn Tất Thành, P. 12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 3943 5447 Fax: 08 3943 5446

Mẫu số B01-DN/HN

Báo cáo tài chính

cho giai đoạn hoạt động  
từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30/06/2010

V	Lợi thế thương mại	260		4.825.787.722	5.197.002.162
VI	Tài sản dài hạn khác	270		499.470.469	582.341.981
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	67.373.805	318.691.181
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3	Tài sản dài hạn khác	278	V.16	432.096.664	263.650.800
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)</b>	<b>280</b>		<b>158.238.968.912</b>	<b>143.881.634.200</b>

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

TẬP ĐOÀN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 4, Toà nhà Cảng SG, 3 Nguyễn Tất Thành, P. 12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 3943 5447 Fax: 08 3943 5446

cho giai đoạn hoạt động

từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30/06/2010

TT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)</b>	<b>300</b>		<b>19.908.790.895</b>	<b>9.424.810.151</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>18.792.466.219</b>	<b>9.197.752.098</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2	Phải trả người bán	312	V.17	10.636.201.992	5.044.905.208
3	Người mua trả tiền trước	313	V.18	167.113	31.185.000
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	3.595.195.666	2.680.412.899
5	Phải trả công nhân viên	315	V.20	1.541.229.946	34.259.097
6	Chi phí phải trả	316	V.21	24.255.800	36.000.000
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.22	1.248.617.315	136.503.792
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.746.798.387	1.234.486.102
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>320</b>		<b>1.116.324.676</b>	<b>227.058.053</b>
1	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4	Vay và nợ dài hạn	334		896.266.623	-
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		220.058.053	227.058.053
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
<b>B</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)</b>	<b>400</b>		<b>134.845.380.337</b>	<b>130.656.191.818</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>134.845.380.337</b>	<b>130.656.191.818</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.23	56.163.800.000	56.163.800.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	19.339.670.000	19.339.670.000
3	Quỹ đầu tư phát triển	416	V.23	2.051.360.115	1.893.120.135
4	Quỹ dự phòng tài chính	417	V.23	2.011.911.136	1.361.911.136
5	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418	V.23	85.933.930	59.560.600
6	Lợi nhuận chưa phân phối	419	V.23	55.192.705.156	51.838.129.947
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C</b>	<b>LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	PL3	<b>3.484.797.681</b>	<b>3.800.632.231</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>158.238.968.912</b>	<b>143.881.634.200</b>

TẬP ĐOÀN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 4, Toà nhà Cảng SG, 3 Nguyễn Tất Thành, P. 12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 08 3943 5447 Fax: 08 3943 5446

Mẫu số B01-DN/HN

Báo cáo tài chính

cho giai đoạn hoạt động  
từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

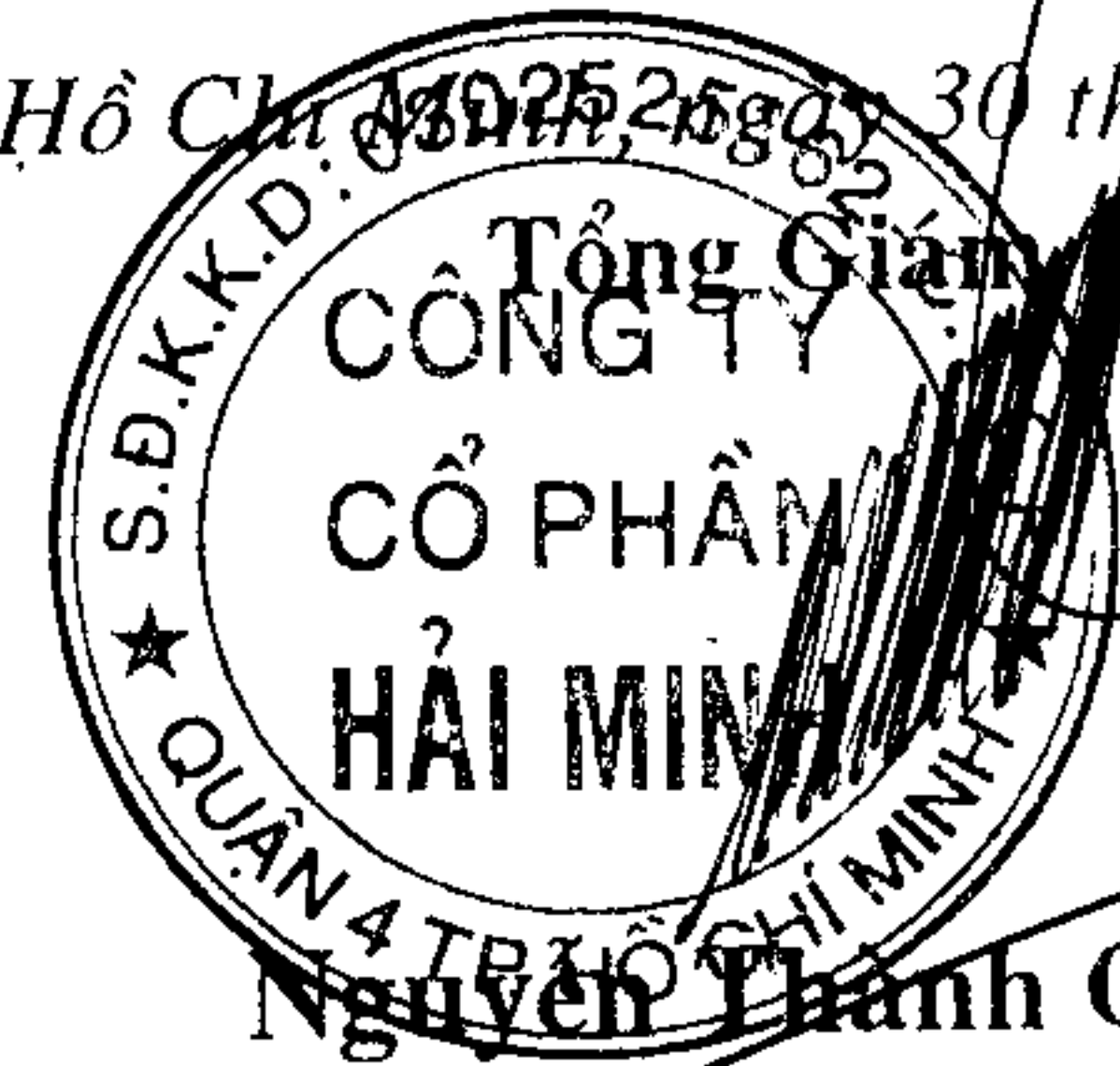
Tại ngày 30/06/2010

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	Tài sản thuê ngoài				
2	Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công				
3	Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi				
4	Nợ khó đòi đã xử lý				
5	Ngoại tệ các loại				
	- USD			2.508	3.498
	- SGD			3.200	-
6	Dự toán chi hoạt động				

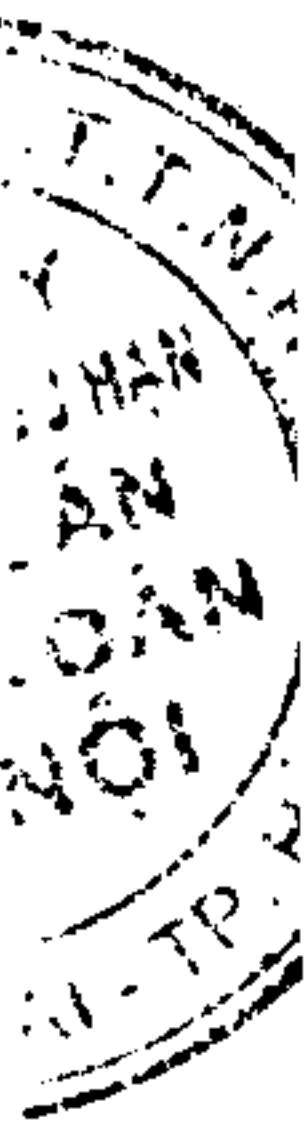
Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Hưng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2010



Nguyễn Thanh Chương





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

06 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	V.24	51.256.304.307	49.869.618.023
2	Các khoản giảm trừ	3		-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.25	51.256.304.307	49.869.618.023
4	Giá vốn hàng bán	11	V.26	41.589.198.183	39.992.833.617
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.667.106.124	9.876.784.406
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.27	3.166.135.681	898.316.803
7	Chi phí tài chính	22	V.28	460.138.549	406.682.462
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		29.828.241	-
8	Chi phí bán hàng	24		-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.29	4.195.888.588	3.438.582.937
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.177.214.668	6.929.835.810
11	Thu nhập khác	31	V.30	124.846.806	24.795.859
12	Chi phí khác	32	V.31	45.492.534	146.027.787
13	Lợi nhuận khác	40		79.354.272	(121.231.928)
14	Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	45		9.584.564.406	6.042.728.516
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.841.133.346	12.851.332.398
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.245.024.908	1.198.604.057
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.596.108.438	11.652.728.341
19	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		173.267.513	252.021.143
20	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		15.422.840.926	11.400.707.198
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.836	2.096

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2010

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

  
 Nguyễn Thế Hưng

  
 Nguyễn Thành Chương



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**(Theo phương pháp gián tiếp)  
06 tháng đầu năm 2010

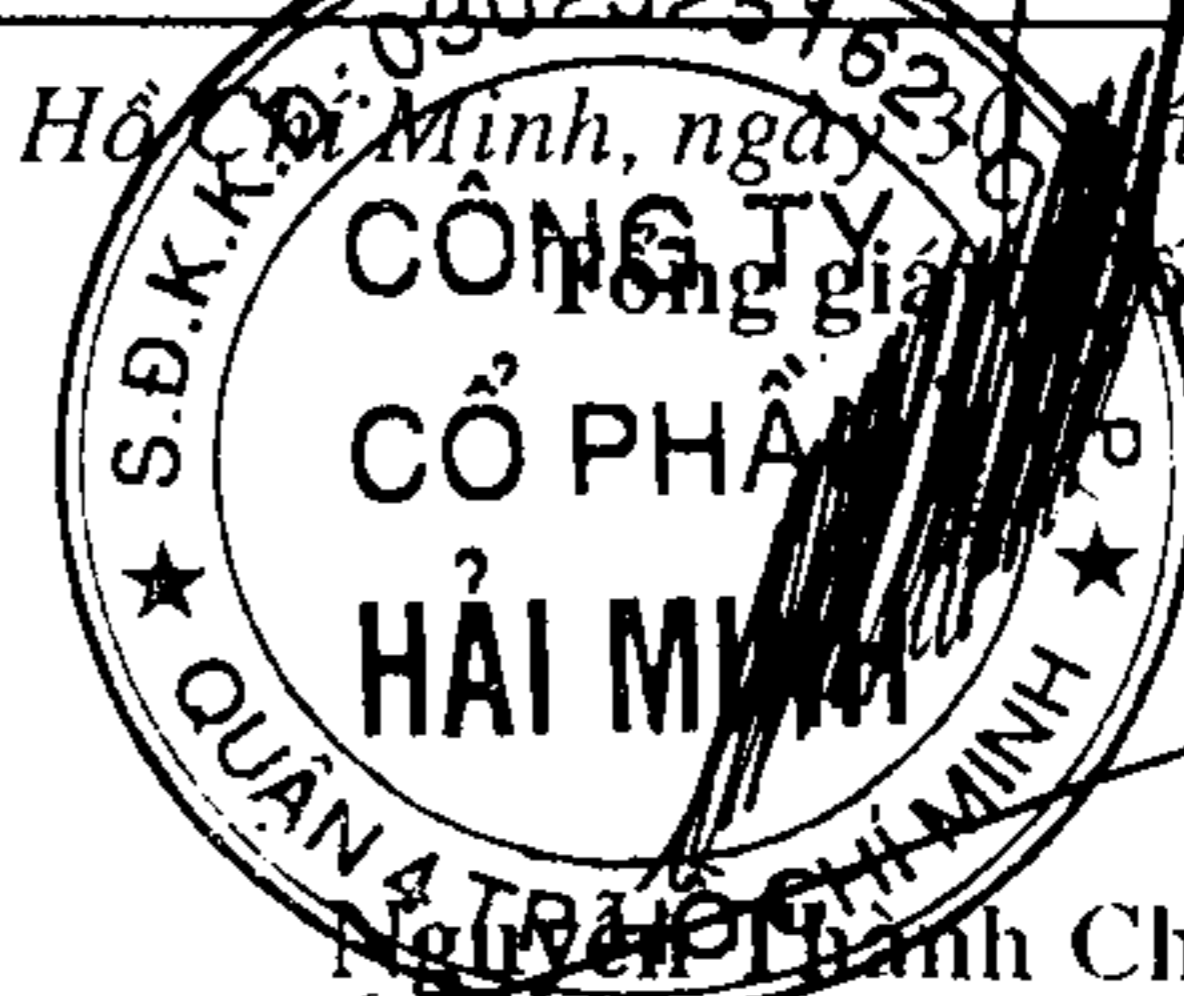
Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Mã số	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
<b>I</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1	Lợi nhuận trước thuế	01	17.841.133.346	12.851.332.398
2	Điều chỉnh cho các khoản		9.945.805	3.038.182.121
2.1	Khấu hao Tài sản cố định	02	4.167.539.484	3.936.498.924
2.2	Các khoản dự phòng	03	(991.457.998)	
2.2	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
2.3	Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.166.135.681)	-
2.4	Chi phí lãi vay	06	-	(898.316.803)
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	17.851.079.151	15.889.514.519
3.1	Tăng các khoản phải thu	09	(7.127.450.768)	(7.059.529.497)
3.2	Tăng giảm hàng tồn kho	10	265.534.500	-
3.3	Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	7.082.401.836	3.004.956.005
3.4	Tăng chi phí trả trước	12	(672.759.932)	(571.505.330)
3.5	Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
3.6	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(755.341.795)	(551.038.275)
3.7	Thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	474.833.920
3.8	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(422.912.678)	(50.000.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>16.220.550.314</b>	<b>11.137.231.342</b>
<b>II</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.106.062.955)	(873.968.627)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	124.545.454	
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.000.000.000)	(3.000.000.000)
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.415.810.000	1.500.000.000
7	Tiền thu lợi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.166.135.681	898.316.803
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>600.428.180</b>	<b>(1.475.651.824)</b>
<b>III</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2	Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đó phát hành	32	-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	896.266.623	-
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(2.576.014.513)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.232.760.000)	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(10.336.493.377)</b>	<b>(2.576.014.513)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>6.484.485.117</b>	<b>7.085.565.005</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>24.424.234.272</b>	<b>7.277.534.304</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>30.968.719.389</b>	<b>14.363.099.309</b>

Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Hưng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2010



Nguyễn Thanh Chương

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1. Hình thức sở hữu**

Tập đoàn Hải Minh, gọi tắt là "Công ty", hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000801 ngày 24/01/2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong quá trình hoạt động, Tập đoàn đã có 10 lần thay đổi đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 10 vào ngày 21/01/2010.

Theo đó:

Vốn điều lệ đăng ký của Tập đoàn là: **100.000.000.000 (Một trăm tỷ đồng chẵn)**.

Tập đoàn có trụ sở tại: Tầng 4, Toà nhà Cảng Sài Gòn, Số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

#### **2. Lĩnh vực hoạt động của Tập đoàn:**

Sản xuất, mua bán máy móc thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hoá, dịch vụ giao nhận hàng hoá, dịch vụ vận chuyển hàng hoá đường bộ - đường sông - đường biển; Đại lý tàu biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thuỷ - đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán, cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; Mua bán thiết bị, máy móc ngành nông nghiệp./.

Đến thời điểm 30/06/2010, cơ cấu Tập đoàn gồm có 03 Công ty con và 01 Công ty liên kết:

- Các Công ty con bao gồm :

Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát

Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng

Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam

- Công ty liên kết:

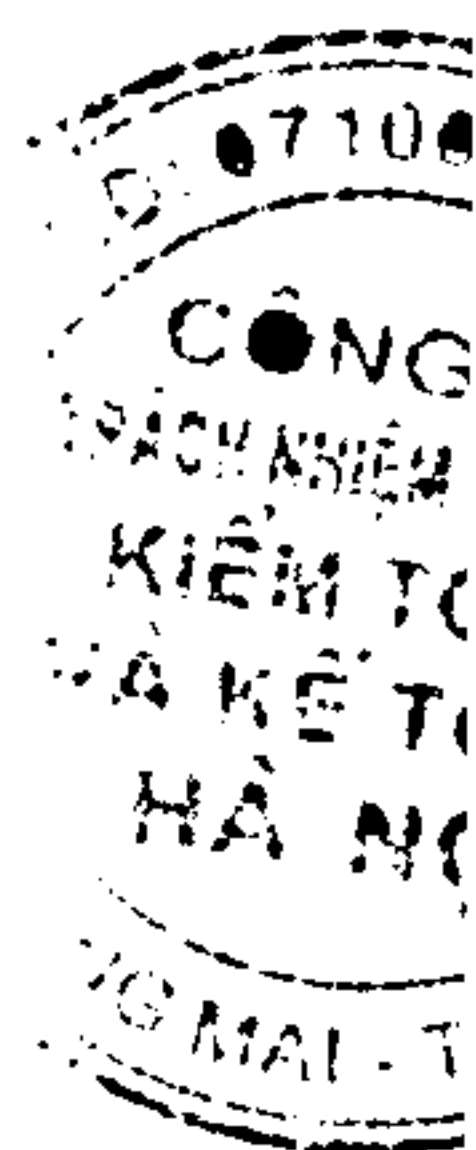
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam

#### **Khái quát về Công ty con:**

- Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0202006749 ngày 25/06/2008, đăng ký thay đổi lần đầu ngày 23/12/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính: Tầng 02, Khách sạn Việt Trung, số 103 đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại : 0313 979 946





Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty mẹ là 96,08%.

- Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0204001877 ngày 07/01/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính: Tầng 02, Khách sạn Việt Trung, số 103 đường Nguyễn Hình Khiêm, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại : 0310 979 946

Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty mẹ là 100%.

- Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam hoạt động theo giấy phép liên doanh số 874/GP-HCM ngày 08/06/2005 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính: 57 - 59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 08 3914 6395 Fax : 08 3914 6396

Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty mẹ là 55,29%.

**Khái quát về Công ty liên kết:**

- Công ty TNHH "K" Line Việt Nam hoạt động theo giấy phép đầu tư số 011021000027 ngày 24/10/2006 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

Trụ sở chính: Tầng 6 toà nhà văn phòng Sun Red River, số 23 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại : 04 39 331 199 Fax : 04 39 331919

Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty là 49%.

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc ngày 30/06/2010

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (đ)

**III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. Chế độ kế toán áp dụng

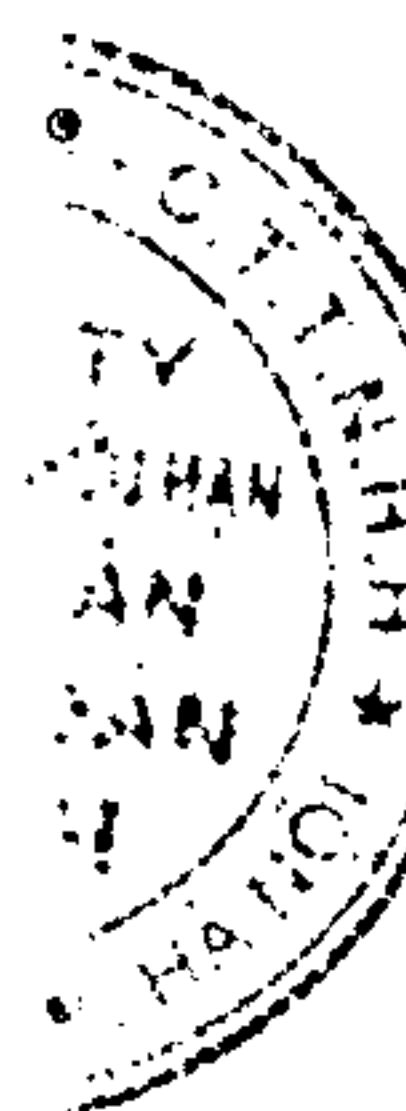
Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn kèm theo phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh tại Tập đoàn.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Tập đoàn áp dụng hình thức Sổ kế toán trên máy vi tính.

3. Chuẩn mực kế toán áp dụng:

Ban lãnh đạo Tập đoàn Hải Minh tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.



#### **IV. Các Chính sách kế toán áp dụng**

Sau đây là các Chính sách kế toán chủ yếu mà Tập đoàn đã áp dụng để ghi sổ và lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

##### **1. Ước tính kế toán:**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **2. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính:**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và Báo cáo tài chính của các công ty do Tập đoàn Hải Minh kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 năm 2010. Việc kiểm soát này đạt được khi Tập đoàn Hải Minh có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tập đoàn Hải Minh và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông Tập đoàn. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

##### **1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển:**

###### **- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:**

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo;

###### **- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:**

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản



mục có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

- Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ các khoản mục có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác

#### - Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

#### - Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### 4. Ghi nhận TSCĐ và khấu hao tài sản cố định

#### - Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, trong quá trình sử dụng tài sản cố định được ghi nhận theo ba tiêu thức nguyên giá, hao mòn và giá trị còn lại. Nguyên giá của TSCĐ được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### - Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao TSCĐ hữu hình được thực hiện theo phương pháp đường thẳng, căn cứ theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính và nguyên giá của tài sản. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Mức khấu hao cụ thể như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian sử dụng
- Phương tiện vận tải	Từ 06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm
- Website	03 năm

### 5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính



Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư, hoặc ngày mua cổ phiếu, trái phiếu.

Khoản đầu tư dài hạn là các khoản đầu tư vào công ty con: Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát, Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng, Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam; đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: Công ty TNHH "K" Line Việt Nam; Góp vốn liên doanh: Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An, Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Sao Biển.

#### **6. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác**

##### **- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc việc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.
- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất sản phẩm dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.
- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.
- Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời, các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi phát sinh vốn hóa.
- Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

##### **- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí khác**

- Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư XD/CB, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hóa vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc nâng cấp đó.
- Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư XD/CB, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hóa vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc nâng cấp đó.

##### **- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí khác**

- Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.
- Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn tiêu thức và phương pháp phân bổ hợp lý.



## **7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch. Đối với quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm, Công ty thực hiện trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

## **8. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

## **9. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái**

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ đều được qui đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ được phản ánh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## **10. Các nghĩa vụ về thuế**

Công ty áp dụng Chính sách thuế theo quy định của các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## **11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu và các quỹ**

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các quỹ của Công ty được trích lập theo quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

## **12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu trong kỳ của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải, khai thác cảng, dịch vụ đại lý, doanh thu từ lãi tiền gửi, thu cổ tức, hoạt động mua bán chứng khoán.

- **Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;



- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**- Doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu từ dịch vụ vận tải được xác định theo hợp đồng kinh tế, biên bản xác nhận dịch vụ hoàn thành, phát hành hoá đơn tài chính và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

**- Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, chênh lệch tỷ giá thực hiện và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên cơ sở chênh lệch giữa giá bán và giá mua. Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2010**  
(tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Tiền mặt</b>	<b>665.517.547</b>	<b>1.308.906.116</b>
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	<i>203.420.400</i>	<i>371.439.728</i>
Tiền Việt Nam	113.738.652	304.632.848
Ngoại tệ (USD)	89.681.748	66.806.880
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>	<i>133.931.920</i>	<i>258.985.931</i>
<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>	<i>251.741.291</i>	<i>487.545.696</i>
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam</i>	<i>76.423.936</i>	<i>190.934.761</i>
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>3.665.043.509</b>	<b>9.915.328.156</b>
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	<i>2.470.962.997</i>	<i>734.727.472</i>
Tiền Việt Nam	2.391.830.477	692.636.980
<i>Công ty Cổ phần chứng khoán ANPHA</i>	<i>4.100.000</i>	-
<i>Công ty Cổ phần chứng khoán NHNN&amp;PTNT Việt Nam</i>	<i>446.540.627</i>	<i>5.788.975</i>
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>	<i>925.558.284</i>	-
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN TP Hồ Chí Minh</i>	<i>862.969.339</i>	<i>636.917.576</i>
<i>Ngân hàng TNHH Indovina</i>	<i>152.662.227</i>	<i>49.930.429</i>
Ngoại tệ (USD)	79.132.520	42.090.492
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>	<i>1.900.000</i>	-
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN TP Hồ Chí Minh</i>	<i>(9.136.792)</i>	<i>1.891.880</i>
<i>Ngân hàng TNHH Indovina</i>	<i>86.369.312</i>	<i>40.198.612</i>
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>	<i>313.283.775</i>	<i>4.694.276.007</i>
<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>	<i>264.652.984</i>	<i>4.162.823.354</i>
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam</i>	<i>616.143.753</i>	<i>323.501.323</i>
<b>Cộng</b>	<b>4.330.561.056</b>	<b>11.224.234.272</b>

**2. Các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	<i>13.000.000.000</i>	<i>12.000.000.000</i>
Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng TMCP Hàng Hải	13.000.000.000	12.000.000.000
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>	<i>9.528.158.333</i>	-
<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>	<i>3.100.000.000</i>	-
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam</i>	<i>950.000.000</i>	<i>1.200.000.000</i>
<b>Tổng cộng</b>	<b>26.578.158.333</b>	<b>13.200.000.000</b>

**3. Đầu tư ngắn hạn**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	<i>80.000</i>	<i>4.190.890.000</i>
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	80.000	4.190.890.000
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>	-	<i>1.500.000.000</i>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2010**  
(tiếp theo)

<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>	-	-
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam</i>	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>80.000</b>	<b>5.690.890.000</b>
<b>4. Phải thu của khách hàng</b>	<b>Số cuối kỳ VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	<b>7.417.332.733</b>	<b>5.074.198.117</b>
Công ty Cổ phần Hàng Hải Sài Gòn	28.980.000	73.680.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	162.615	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải - CN TP Hồ Chí Minh	2.000.000	92.600.000
Công ty HHGNVTDVMTMQT Liên Hải	95.560.000	123.150.000
Công ty LD khai thác container Việt Nam - CN TP HCM	1.943.649.173	1.048.358.918
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	38.480.000
Công ty TNHH Giao nhận Tam Giang	54.848.500	120.343.920
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam ("K" Line TPHCM)	902.822.232	1.187.583.928
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Giang Nam	390.000.000	-
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Quốc tế Khang Thịnh	555.665	-
Công ty TNHH Giải pháp Tiếp Vận	8.996.176	-
Công ty TNHH HANMI Việt Nam	11.056.480	-
Công ty TNHH Hải Thanh Thanh	335.200.000	730.800.969
Công ty TNHH Khải Vi Quy Nhơn	14.280.000	-
Công ty TNHH Mộc nghệ thuật	22.000	-
Công ty TNHH MTV Hàng Hải Hà Nội Phía Nam	14.820.000	12.480.000
Công ty TNHH NSK GLOBAL TEXTILE	517.229.775	-
Công ty TNHH NYKLine Việt Nam	22.132.004	7.072.859
Công ty TNHH Sanil Vina VN	8.069.615	-
Công ty TNHH Sài Thành - Viễn Đông	5.100.000	-
Công ty TNHH SEUNG TEA VN	6.480.095	-
Công ty TNHH SX TM DV Lệ Minh	38.954.690	-
Công ty TNHH SX TM Vận Nam Việt	30.000.000	30.000.000
Công ty TNHH SX VT TM DV Khải Vy	32.610.000	89.080.000
Công ty TNHH TAEKWANG	8.003.568	-
Công ty TNHH Thế Xương	422.749.008	-
Công ty TNHH Thép Dong Bang	7.445.938	-
Công ty TNHH Thép HANWOOL	278.861.753	-
Công ty TNHH Tiếp vận ánh nắng	50.990.100	-
Công ty TNHH TMDVVT Tân Hướng Dương	5.400.000	-
Công ty TNHH Trang trí nội thất Đại Gia	6.840.000	6.840.000
Công ty TNHH Trường Thịnh	167.230.000	102.700.000
Công ty TNHH Tuyển T.S	5.700.000	77.242.220
Công ty TNHH Vận tải & Đại lý Vận tải đa phương thức	-	31.185.000
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Phương Hoàng	449.844.000	910.737.515
Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	41.184.500	66.386.250
Công ty TNHH VT & Đại lý Vận tải đa phương thức CN HCM	3.300.000	31.100.000
C.ty TNHH VT & XD H.T.N	15.308.000	9.760.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2010**  
(tiếp theo)

C.Ty TNHH VTB Thăng Lợi	22.440.000	-
Công ty Vận tải biển container VINALINES	65.090.000	-
Cảng Bông Sen	28.806.000	-
CN Công ty Cổ phần Vận tải & Thuê tàu	16.901.100	-
DNTN Vận tải Tuấn Hùng	202.590.000	245.840.000
DongBu Express	184.996.588	-
Nguyễn Hữu Hiền	137.000.000	-
SAMUDERA SHIPPING LINE LTD.	727.395.658	-
Tinbella Shipping Agencies Ltd	105.727.500	-
Công ty LD Phát triển Tiếp vận số 1	-	14.400.000
Công ty TNHH TMDV Vận tải Khang Thịnh	-	10.032.498
Công ty TNHH Vận tải biển Tín Nghĩa	-	14.344.040
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>	<i>3.549.060.946</i>	<i>4.209.459.991</i>
<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>	<i>12.528.370.089</i>	<i>6.056.214.735</i>
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam</i>	<i>1.540.169.994</i>	<i>1.119.743.616</i>
<b>Cộng</b>	<b>25.034.933.762</b>	<b>16.459.616.459</b>
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>Số cuối kỳ VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	-	<i>15.032.600</i>
Công ty TNHH Nhật Anh	-	15.032.600
<b>Cộng</b>	-	<b>15.032.600</b>
<b>6. Các khoản phải thu khác</b>	<b>Số cuối kỳ VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	<i>8.427.954.400</i>	<i>8.278.736.502</i>
Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam	-	-
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	8.420.895.000	-
Bảo hiểm xã hội	94.200	-
Bảo hiểm thất nghiệp	65.200	-
Trần Thị Ngọc Thi	6.900.000	-
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	90.854.463
Cán bộ công nhân viên	-	24.095.687
Cổ đông Hải Phòng	-	4.942.951.500
Cổ đông TP Hồ Chí Minh	-	3.215.233.500
Trần Thị Thuý	-	5.300.000
Khác	-	301.352
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>	<i>3.212.000</i>	<i>3.212.000</i>
<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>	<i>176.005.297</i>	<i>145.102.792</i>
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam</i>	<i>33.085.903</i>	<i>38.564.058</i>
<b>Cộng</b>	<b>8.640.257.600</b>	<b>8.465.615.352</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2010**  
(tiếp theo)

7. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	-	265.534.500
Công cụ, dụng cụ	-	265.534.500
<b>Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>-</b>	<b>265.534.500</b>
8. Chi phí trả trước ngắn hạn	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	532.316.338	217.580.737
Bảo hiểm	99.399.004	179.980.737
Phí tư vấn chứng khoán	20.000.000	20.000.000
Thiết kế văn phòng	405.583.998	-
Mạng cáp quang FPT	7.333.336	17.600.000
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>	-	-
<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>	602.291.240	1.452.896
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam</i>	30.833.520	22.330.157
<b>Cộng</b>	<b>1.165.441.098</b>	<b>241.363.790</b>
9. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	-	16.686.267
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ	-	16.686.267
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>	-	1.550.000
<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>	35.474.880	80.028.409
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam</i>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>35.474.880</b>	<b>98.264.676</b>
10. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	1.100.093.577	1.190.115.713
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	356.143.434	365.417.358
Huỳnh Thắng Hùng	1.000.000	-
Nguyễn Quang Minh	6.160.854	-
Đông Đức Thắng	41.868.557	73.716.557
Phạm Ngọc Huy	70.841.222	-
Phan Khánh	148.952.301	166.952.301
Trần Minh Nghĩa	17.320.500	7.154.500
Trương Lệ Hằng	10.000.000	-
Trương Phước Chi	60.000.000	88.414.000
Hồ Kỳ Huy	-	1.500.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2010**  
(tiếp theo)

Nguyễn Tấn Quang	-		22.680.000
Nguyễn Văn Quyết	-		5.000.000
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>	<i>341.905.744</i>		<i>357.117.784</i>
<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>	<i>304.198.425</i>		<i>369.661.147</i>
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam</i>	<i>97.845.974</i>		<i>97.919.424</i>
Ký cược, kỹ quỹ ngắn hạn	-		1.462.074.800
<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>	-		<i>1.462.074.800</i>
<b>Cộng</b>		<b>1.100.093.577</b>	<b>2.652.190.513</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình &lt;Chi tiết tại phụ lục số 01&gt;</b>			
<b>12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình</b>			
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>			
<i>Số dư ngày 01/01/2010</i>	<i>1.120.000.000</i>	<i>17.000.000</i>	<i>1.137.000.000</i>
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<i>Số dư ngày 30/06/2010</i>	<i>1.120.000.000</i>	<i>17.000.000</i>	<i>1.137.000.000</i>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<i>Số dư ngày 01/01/2010</i>	-	<i>12.749.995</i>	<i>12.749.995</i>
Khấu hao trong kỳ	-	2.833.332	2.833.332
Giảm trong kỳ	-	-	-
<i>Số dư ngày 30/06/2010</i>	-	<i>15.583.327</i>	<i>15.583.327</i>
<b>Giá trị còn lại</b>			
<i>Tại ngày 01/01/2010</i>	<i>1.120.000.000</i>	<i>4.250.005</i>	<i>1.124.250.005</i>
<i>Tại ngày 30/06/2010</i>	<i>1.120.000.000</i>	<i>1.416.673</i>	<i>1.121.416.673</i>
<b>3. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>			
		<b>Số cuối kỳ VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>		<i>32.518.543.259</i>	<i>30.116.931.262</i>
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam		32.518.543.259	29.891.931.262
Công ty TNHH Hải Thanh Thanh		-	225.000.000
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>		-	-
<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>		-	-
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam</i>		-	-
<b>Cộng</b>		<b>32.518.543.259</b>	<b>30.116.931.262</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)



**TẬP ĐOÀN HẢI MINH**

Địa chỉ: Tầng 4, Toà nhà Cảng SG, 3 Nguyễn Tất Thành, P. 12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh  
 Điện thoại: 08 3943 5447 Fax: 08 3943 5446

Mẫu số B09-DN/HN

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

cho giai đoạn hoạt động  
 từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2010**  
 (tiếp theo)

**14. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>		
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	5.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Sao Biển	900.000.000	900.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.900.000.000</b>	<b>3.900.000.000</b>

**15. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Hải Minh	-	-
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	-	-
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	261.000.000
Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam	67.373.805	57.691.181
<b>Cộng</b>	<b>67.373.805</b>	<b>318.691.181</b>

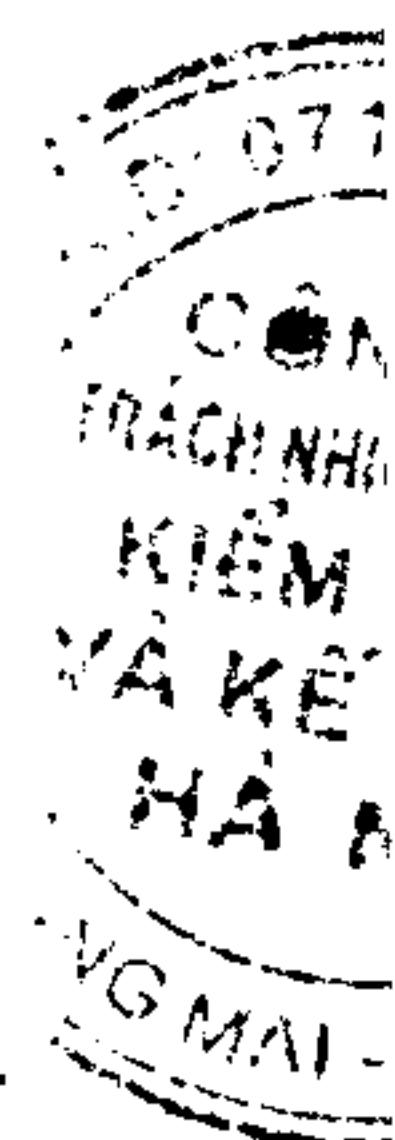
**16. Tài sản dài hạn khác**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Ký cược, ký quỹ dài hạn</b>	<b>432.096.664</b>	<b>263.650.800</b>
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>		
Đặt cọc tiền nhà Hồ Tùng Mậu	-	136.416.000
Đặt cọc tiền nhà Nguyễn Tất Thành	127.234.800	127.234.800
Đặt cọc tiền nhà Đinh Lễ	250.455.264	-
Đặt cọc làm thẻ taxi	5.000.000	-
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>	-	-
<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>	-	-
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam</i>	<b>49.406.600</b>	-
<b>Cộng</b>	<b>432.096.664</b>	<b>263.650.800</b>

**17. Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	<b>4.330.489.213</b>	<b>2.274.749.534</b>
Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải - CN TP HCM	11.554.104	69.321.927
Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải - CN Vũng Tàu	93.260.000	189.865.000
Công ty CP VW-WATERFRONT Việt Nam	11.735.600	17.866.100
Công ty LD Khai thác Container Việt Nam - CN TP HCM	88.974.000	8.150.000
Công ty Tiếp Vận Hoàng Nam	-	-
Công ty TNHH A.D.A	8.610.000	-
Công ty TNHH DVTM Giang Nam	515.051.218	213.640.376
Công ty TNHH Giao nhận Cửa Ngõ	2.941.400	-
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Quốc tế Khang Thịnh	27.225.000	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2010**

(tiếp theo)

Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Sao Thái Bình Dương	248.225	-
Công ty TNHH Hải Thanh Thanh	79.800.000	-
Công ty TNHH MTV Cảng Sài Gòn - Cảng Tân Thuận	61.287.600	-
Công ty TNHH Sagawa Express Việt Nam	64.602.390	-
Công ty TNHH SX DV TM EN COM	150.000.000	-
Công ty TNHH TM DV Nam Hàn	20.192.000	-
Công ty TNHH TM DV Nguyên Đan	14.450.000	-
CN Công ty TNHH MTV CSG-TRUNG TÂM KD BDS CSG	38.739.602	-
DNTN Thanh Sự	119.521.150	-
DongBu Express	1.261.929.285	-
Garage Thành lập	21.560.000	-
SAMUDERA SHIPPING LINE LTD.	926.829.314	-
Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam	42.577.890	-
Tinbella Shipping Agencies Ltd	769.400.435	763.415.205
Xí nghiệp Xây dựng Lắp máy Thăng Long	-	15.032.600
Công ty Cổ phâng Việt Viễn Đông	-	9.082.616
DNTN Trí Tâm	-	163.703.740
HTX Vận tải số 9	-	75.500.000
TEREX CRANES FRANCE SAS	-	749.171.970
<b>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</b>	<b>930.894.243</b>	<b>729.090.364</b>
<b>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</b>	<b>5.079.674.126</b>	<b>1.537.957.630</b>
<b>Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam</b>	<b>295.144.410</b>	<b>503.107.680</b>
<b>Cộng</b>	<b>10.636.201.992</b>	<b>5.044.905.208</b>
<b>8. Người mua trả tiền trước</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Hải Minh</b>		
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Sao Thái Bình Dương	167.113	-
Công ty TNHH Vận tải & Đại lý Vận tải đa phương thức	-	31.185.000
<b>Cộng</b>	<b>167.113</b>	<b>31.185.000</b>
<b>9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Hải Minh</b>	<b>1.331.914.086</b>	<b>497.739.491</b>
Thuế GTGT	7.357.773	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.221.480.445	466.138.650
Thuế thu nhập cá nhân	78.288.341	31.600.841
Các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước khác	24.787.527	-
<b>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</b>	<b>1.370.858.308</b>	<b>1.157.196.217</b>
<b>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</b>	<b>752.024.972</b>	<b>878.136.783</b>
<b>Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam</b>	<b>140.398.300</b>	<b>147.340.408</b>
<b>Cộng</b>	<b>3.595.195.666</b>	<b>2.680.412.899</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2010**  
(tiếp theo)

**20. Phải trả cán bộ công nhân viên**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Hải Minh	317.091.077	11.628.431
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	5.545.783	3.683.975
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	941.432.086	10.638.869
Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam	277.161.000	8.307.822
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.541.229.946</b>	<b>34.259.097</b>

**21. Chi phí phải trả**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	<b>16.255.800</b>	<b>36.000.000</b>
Trích trước sửa chữa nhà Hồ Tùng Mậu	-	36.000.000
Trích trước tiền điện nhà Đinh Lễ	16.255.800	-
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam</i>	<b>8.000.000</b>	-
<b>Cộng</b>	<b>24.255.800</b>	<b>36.000.000</b>

**22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	<b>289.273.767</b>	<b>3.296.198</b>
Kinh phí công đoàn	22.484.601	-
Bảo hiểm xã hội	60.000	-
Bảo hiểm y tế	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Phải trả khác	-	-
Cán bộ công nhân viên TP Hồ Chí Minh	-	3.296.198
DongBu Express	263.755.103	-
HOKKAI TRANSPORTATION CO,LTD	2.974.063	-
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>	<b>176.326.487</b>	<b>23.087.287</b>
<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>	<b>325.108.767</b>	<b>107.565.409</b>
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam</i>	<b>457.908.294</b>	<b>2.554.898</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.248.617.315</b>	<b>136.503.792</b>

**23. Vốn chủ sở hữu****3.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu <Chi tiết tại phụ lục số 02>****23.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Vốn góp của các cổ đông	56.163.800.000	56.163.800.000
<b>Cộng</b>	<b>56.163.800.000</b>	<b>56.163.800.000</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2010**  
(tiếp theo)

(\*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số: 4103000801, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 21 tháng 01 năm 2010 thì Vốn điều lệ của Công ty là: 100.000.000.000 đồng nhưng tại thời điểm 30/06/2010 số Vốn góp của các cổ đông là: 56.163.800.000 đồng theo đó số vốn còn thiếu là: 43.836.200.000 đồng.

**23.3 Các quỹ của doanh nghiệp**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.051.360.115	1.893.120.135
Quỹ dự phòng tài chính	2.011.911.136	1.361.911.136
<b>Cộng</b>	<b>4.063.271.251</b>	<b>3.255.031.271</b>

**7. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

**24. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
<b>Công ty Cổ phần Hải Minh</b>	<b>17.948.450.295</b>	<b>14.421.525.985</b>
Dịch vụ vận tải	12.040.531.142	9.390.106.518
Dịch vụ khai thác cảng	5.009.167.332	4.008.032.678
Dịch vụ đại lý	547.719.969	-
Dịch vụ khác	351.031.852	815.072.776
Doanh thu hàng nhập khẩu	-	208.314.013
<b>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</b>	<b>11.512.517.670</b>	<b>16.123.699.442</b>
<b>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</b>	<b>18.113.967.284</b>	<b>14.847.746.312</b>
<b>Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam</b>	<b>3.681.369.058</b>	<b>4.476.646.284</b>
<b>Cộng</b>	<b>51.256.304.307</b>	<b>49.869.618.023</b>

**25. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
<b>Công ty Cổ phần Hải Minh</b>	<b>17.948.450.295</b>	<b>14.421.525.985</b>
Dịch vụ vận tải	12.040.531.142	9.390.106.518
Dịch vụ khai thác cảng	5.009.167.332	4.008.032.678
Dịch vụ đại lý	547.719.969	-
Dịch vụ khác	351.031.852	815.072.776
Hàng nhập khẩu	-	208.314.013
<b>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</b>	<b>11.512.517.670</b>	<b>16.123.699.442</b>
<b>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</b>	<b>18.113.967.284</b>	<b>14.847.746.312</b>
<b>Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam</b>	<b>3.681.369.058</b>	<b>4.476.646.284</b>
<b>Cộng</b>	<b>51.256.304.307</b>	<b>49.869.618.023</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2010**  
(tiếp theo)

## 26. Giá vốn bán hàng

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	<i>15.106.456.018</i>	<i>12.433.883.887</i>
Dịch vụ vận tải	12.037.863.280	10.374.592.222
Dịch vụ khai thác cảng	2.965.514.403	1.851.847.233
Dịch vụ đại lý	103.078.335	-
Dịch vụ khác	-	-
Hàng nhập khẩu	-	207.444.432
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>	<i>8.950.287.670</i>	<i>12.433.741.365</i>
<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>	<i>14.305.601.184</i>	<i>11.552.968.833</i>
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam</i>	<i>3.226.853.312</i>	<i>3.572.239.532</i>
<b>Cộng</b>	<b>41.589.198.183</b>	<b>39.992.833.617</b>

## 27. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	<i>2.678.062.228</i>	<i>575.310.842</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng	605.595.847	214.154.263
Chênh lệch tỷ giá thực hiện	363.746.381	57.140.602
Đầu tư chứng khoán	1.641.220.000	-
Góp vốn liên doanh	-	-
Khác	67.500.000	304.015.977
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>	<i>230.221.803</i>	<i>148.245.921</i>
<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>	<i>193.291.091</i>	<i>128.912.305</i>
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam</i>	<i>64.560.559</i>	<i>45.847.735</i>
<b>Cộng</b>	<b>3.166.135.681</b>	<b>898.316.803</b>

## 8. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	<i>117.222.878</i>	<i>501.426</i>
Đầu tư chứng khoán	93.791.760	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	23.431.118	501.426
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>	<i>13.796.220</i>	<i>381.574.070</i>
<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>	<i>329.068.451</i>	-
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam</i>	<i>51.000</i>	<i>24.606.966</i>
<b>Cộng</b>	<b>460.138.549</b>	<b>406.682.462</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2010**  
(tiếp theo)**29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	<i>1.834.841.639</i>	<i>1.310.657.255</i>
Chi phí nhân viên quản lý	484.977.354	379.240.916
Chi phí vật liệu quản lý	43.881.450	37.348.500
Chi phí đồ dùng văn phòng	107.830.396	7.308.200
Chi phí khấu hao TSCĐ	24.200.478	15.747.096
Thuế, phí, lệ phí	20.250.345	13.186.297
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	551.689.096	348.485.864
Chi phí bằng tiền khác	602.012.520	509.340.382
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>	<i>976.455.873</i>	<i>1.006.560.630</i>
<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>	<i>814.359.453</i>	<i>627.107.659</i>
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam</i>	<i>570.231.623</i>	<i>494.257.393</i>
<b>Cộng</b>	<b>4.195.888.588</b>	<b>3.438.582.937</b>

**30. Thu nhập khác**

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	<i>124.846.806</i>	
Thanh lý tài sản cố định	124.545.454	-
Khác	301.352	-
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>	-	-
<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>	-	<i>24.761.905</i>
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam</i>	-	<i>33.954</i>
<b>Cộng</b>	<b>124.846.806</b>	<b>24.795.859</b>

**1. Chi phí khác**

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	<i>45.205.881</i>	<i>17.563.946</i>
Phạt chậm nộp thuế	44.904.529	17.563.946
Khác	301.352	-
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>	<i>286.653</i>	<i>125.839.617</i>
<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>	-	-
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam</i>	-	<i>2.624.224</i>
<b>Cộng</b>	<b>45.492.534</b>	<b>146.027.787</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2010**  
(tiếp theo)

## VIII Những thông tin khác

## Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty cổ phần Hải Minh đã niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 28/07/2010 theo quyết định số 480/QĐ-TTGDHN ngày 16 tháng 07 năm 2010 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận cho Công ty cổ phần Hải Minh là niêm yết: 5.438.790 cổ phiếu phổ thông tương đương 54.387.900.000 đồng mệnh giá với Mã chứng khoán là HMMH.

## . Những thông tin khác

## 2.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.422.840.926	11.400.707.198
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	5.438.790	5.438.790
Lãi trên cổ phiếu	2.836	2.096

## 2.2 Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn</b>			
<b>1.1. Bố trí cơ cấu tài sản</b>			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	42.60	41.63
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	57.40	58.37
<b>1.2. Bố trí cơ cấu vốn</b>			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	12.58	8.07
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	85.22	89.77
<b>2. Khả năng thanh toán</b>			
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát	lần	7.95	12.39
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	3.59	5.31
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	lần	1.64	1.23
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>			
<b>3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	34.81	25.77
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	30.43	23.37
<b>3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b>			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	11.27	8.63
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	9.86	7.82
<b>3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn C</b>	%	27.77	20.75

## 3 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2009 của Tập đoàn Hải Minh đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)





**TẬP ĐOÀN HẢI MINH**

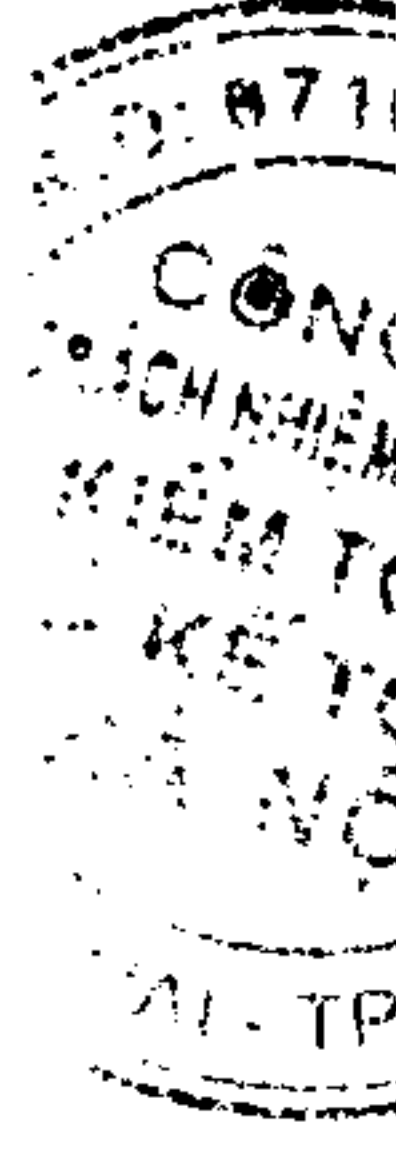
Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Cảng SG, 3 Nguyễn Tất Thành, P. 12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh  
 Điện thoại: 08 3943 5447 Fax: 08 3943 5446

**Thuyết minh báo cáo tài chính**  
 cho giai đoạn hoạt động  
 từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

**Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm TSCĐ hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dung cụ QL	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>I Nguyên giá TSCĐ</b>						
1 Số dư đầu kỳ	15.524.809.607	7.630.869.752	38.201.571.288	602.658.814	2.085.588.214	64.045.497.675
2 Số tăng trong kỳ	-	-	4.905.884.952	200.178.003	-	5.106.062.955
- Mua sắm mới	-	-	4.905.884.952	200.178.003	-	5.106.062.955
- Xây dựng mới	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3 Số giảm trong kỳ	-	-	277.726.667	-	-	277.726.667
- Thanh lý	-	-	277.726.667	-	-	277.726.667
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4 Số cuối kỳ	15.524.809.607	7.630.869.752	42.829.729.573	802.836.817	2.085.588.214	68.873.833.963
<b>II Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1 Số đầu kỳ	3.707.113.000	3.104.283.436	10.864.202.824	496.214.250	572.088.000	18.743.901.510
2 Khấu hao trong kỳ	729.336.465	640.349.199	2.949.197.201	39.483.356	86.899.930	4.445.266.151
- Trích trong kỳ	729.336.465	640.349.199	2.949.197.201	39.483.356	86.899.930	4.445.266.151
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3 Giảm trong kỳ	-	-	277.726.667	-	-	277.726.667
- Thanh lý	-	-	277.726.667	-	-	277.726.667
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4 Số cuối kỳ	4.436.449.465	3.744.632.635	13.535.673.358	535.697.606	658.987.930	22.911.440.994
<b>III Giá trị còn lại</b>						
1 Tại ngày đầu kỳ	11.817.696.607	4.526.586.316	27.337.368.464	106.444.564	1.513.500.214	45.301.596.165
2 Tại ngày cuối kỳ	11.088.360.142	3.886.237.117	29.294.056.215	267.139.211	1.426.600.284	45.962.392.969

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)



**TẬP ĐOÀN HẢI MINH**

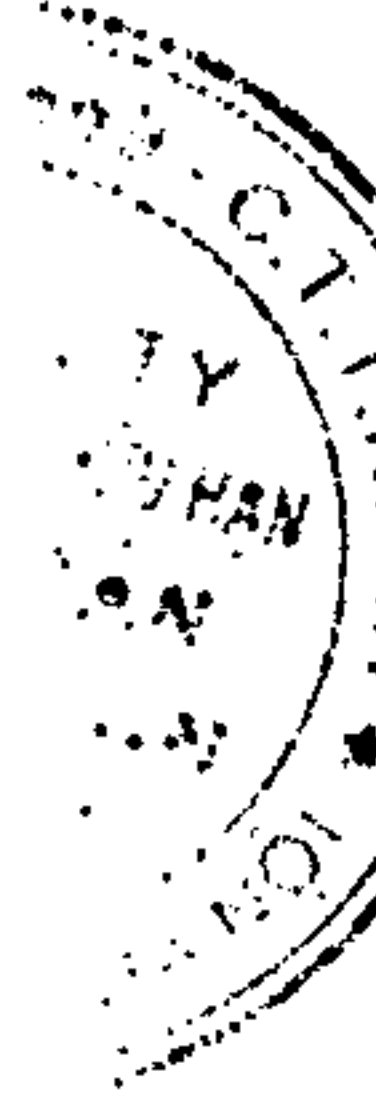
Địa chỉ: Tầng 4, Toà nhà Cảng SG, 3 Nguyễn Tất Thành, P. 12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 08 3943 5447 Fax: 08 3943 5446

Thuyết minh báo cáo tài chính  
cho giai đoạn hoạt động  
từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

**Phụ lục số 02: Tình hình tăng giảm Vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Các quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Năm trước</b>							
<b>1. Số dư đầu kỳ</b>	<b>56.163.800.000</b>	<b>19.339.670.000</b>	<b>1.450.194.555</b>	<b>609.031.569</b>	<b>42.217.400</b>	<b>42.815.281.049</b>	<b>120.420.194.573</b>
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	26.177.958.570	26.177.958.570
- Tăng khác	-	-	442.925.580	752.879.567	17.343.200	-	1.213.148.347
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	17.155.109.672	17.155.109.672
<b>2. Số cuối kỳ</b>	<b>56.163.800.000</b>	<b>19.339.670.000</b>	<b>1.893.120.135</b>	<b>1.361.911.136</b>	<b>59.560.600</b>	<b>51.838.129.947</b>	<b>130.656.191.818</b>
<b>Kỳ này</b>							
<b>1. Số dư ngày 01/01/2010</b>	<b>56.163.800.000</b>	<b>19.339.670.000</b>	<b>1.893.120.135</b>	<b>1.361.911.136</b>	<b>59.560.600</b>	<b>51.838.129.947</b>	<b>130.656.191.818</b>
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	15.596.108.438	15.596.108.438
- Tăng khác	-	-	158.239.980	650.000.000	26.373.330	-	834.613.310
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	12.241.533.230	12.241.533.230
<b>2. Số dư ngày 30/06/2010</b>	<b>56.163.800.000</b>	<b>19.339.670.000</b>	<b>2.051.360.115</b>	<b>2.011.911.136</b>	<b>85.933.930</b>	<b>55.192.705.156</b>	<b>134.845.380.336</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)





**TẬP ĐOÀN HẢI MINH**

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Cảng SG, 3 Nguyễn Tất Thành, P. 12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh  
 Điện thoại: 08 3943 5447 Fax: 08 3943 5446

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

cho giai đoạn hoạt động  
 từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

**Phụ lục số 03: Bảng xác định Lợi ích của cổ đông thiểu số**

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>Công ty CP Hải Minh</b>	<b>Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>
1	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	23.853.461.500	21.951.662.500	1.901.799.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-
3	Quỹ đầu tư phát triển	2.367.400.000	1.308.935.460	1.058.464.540
4	Quỹ dự phòng tài chính	136.616.431	131.261.067	5.355.364
5	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	155.424.000	85.933.930	69.490.070
6	Lợi nhuận chưa phân phối	9.125.900.448	8.676.211.742	449.688.706
	<b>Cộng</b>	<b>35.638.802.379</b>	<b>32.154.004.699</b>	<b>3.484.797.681</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)